# NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (HSX: VPB)

## Báo cáo gặp gỡ nhà đầu tư Tháng 10/2026: Cập nhật KQKD Q3/2026 & Triển vọng kinh doanh

**Tóm tắt KQKD Q3/26: Tăng trưởng lợi nhuận duy trì tích cực nhờ tăng trưởng tín dụng cao và tiết giảm chi phí trích lập, huy động duy trì vượt tín dụng, song NIM vẫn chịu áp lực đáng kể**

| (Đơn vị: tỷ đồng) | Q3/26 | Q3/25 | % svck | Kế hoạch 2026 | % hoàn thành KH |
|---|---|---|---|---|---|
| Thu nhập lãi thuần | 18,158 | 15,061 | 20.56% | | |
| Thu nhập ngoài lãi | 3,925 | 5,076 | -22.67% | | |
| **Tổng thu nhập hoạt động** | 22,084 | 20,138 | 9.66% | | |
| Chi phí hoạt động | -4,808 | -4,428 | 8.59% | | |
| **LN trước dự phòng** | 17,276 | 15,710 | 9.97% | | |
| Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | -6,245 | -6,544 | -4.56% | | |
| **LN trước thuế** | 11,031 | 9,166 | 20.34% | 41,323 | 72.4% |
| **LN ròng** | 8,644 | 7,275 | 18.80% | | |
| Tăng trưởng tín dụng | 28.16% | 28.46% | -0.30% | 34% | |
| Tăng trưởng huy động | 34.22% | 25.20% | 9.02% | 40% | |
| NIM | 4.81% | 5.37% | -0.56% | | |
| CIR | 21.77% | 21.99% | -0.22% | | |
| CASA | 13.61% | 14.27% | -0.66% | | |
| NPL riêng lẻ (*) | 2.06% | 2.23% | -0.17% | < 2.5% | |
| LLR | 53.99% | 55.06% | -1.06% | | |
| ROE | 18.29% | 14.18% | 4.11% | | |
| ROA | 2.24% | 2.03% | 0.21% | | |

(*) Theo tính toán của ngân hàng

Nguồn: VPB, MBS Research

| Thông tin cổ phiếu | |
|---|---|
| Giá hiện tại (VND) | 21,550 |
| Cao nhất 52 tuần (VND) | 24,950 |
| Thấp nhất 52 tuần (VND) | 18,630 |
| Vốn hóa (tỷ VND) | 211,500 |
| P/E (TTM) | 6.91 |
| P/B | 1.15 |
| Tỷ suất cổ tức (%) | 0.00 |

| Cơ cấu sở hữu | |
|---|---|
| SMBC | 15.00% |
| Ngô Chí Dũng | 4.14% |
| Hoàng Anh Minh | 4.12% |
| Vũ Thị Quyên | 4.11% |
| CTCP Diera Corp | 4.40% |
| Kim Ngọc Cẩm Ly | 3.61% |
| Bùi Hải Quân | 1.97% |
| Nguyễn Đức Vinh | 1.32% |
| CTCP Chứng khoán VIX | 1.17% |

Nguồn: https://s24.mbs.com.vn/

### Kết quả hợp nhất & Ngân hàng riêng lẻ

- Trong Q3/26, LNTT hợp nhất đạt 11,031 tỷ đồng (+20.3% svck), đánh dấu quý thứ hai liên tiếp lợi nhuận trên 11 nghìn tỷ đồng. Thu nhập lãi thuần đạt 18,158 tỷ đồng (+20.6% svck), chủ yếu nhờ tăng trưởng tín dụng vượt trội, giúp bù đắp ảnh hưởng của việc giảm NIM. Trong khi thu nhập ngoài lãi giảm 22.7% svck xuống 3,925 tỷ đồng chủ yếu do lỗ thuần hơn 1,000 tỷ đồng từ các hoạt động kinh doanh ngoại hối và chứng khoán, trong khi cùng kỳ lãi thuần hơn 1,290 tỷ đồng. Bên cạnh đó, hoạt động dịch vụ vẫn tăng trưởng khả quan hơn 29% svck, chủ yếu từ hoạt động bảo lãnh phát hành, thanh toán ngân quỹ và khác. Lãi thuần từ hoạt động khác duy trì đà tăng trưởng cao, đạt 33.6% svck, tuy nhiên thu hồi nợ đã xử lý rủi ro Q3/26 suy giảm 7% svck. Lũy kế 9T26, thu nhập ngoài lãi vẫn tăng trưởng khả quan gần 20%. Chi phí hoạt

động tăng 8.6% svck và chi phí dự phòng giảm 4.6% svck, qua đó hỗ trợ lãi lợi nhuận trước thuế tăng nhanh hơn tổng thu nhập hoạt động. Lũy kế 9T26, LNTT hợp nhất đạt 29,911 tỷ đồng (+46.7% svck), hoàn thành 72.4% kế hoạch năm.

- Quy mô hợp nhất tiếp tục mở rộng mạnh: dư nợ cấp tín dụng 1,231.8 nghìn tỷ (+28.1% YTD), tiền gửi KH và GTCG đạt 986.7 nghìn tỷ (+34.2% YTD). Huy động tăng nhanh hơn tín dụng giúp củng cố thanh khoản; CAR hợp nhất 13.84%. Dư nợ cấp tín dụng riêng lẻ cuối Q3 đạt 1,102 nghìn tỷ đồng (+29.7% YTD; +4.0% QoQ). Tăng trưởng khá đồng đều giữa các phân khúc; KHCN tăng 10% QoQ (+27.3% YTD), trong đó dư nợ tín chấp tiếp tục tăng mạnh (UPL +41.7% YTD). KHDN và SME tiếp tục được đa dạng hóa theo ngành, với dư nợ các lĩnh vực trọng tâm tăng 38.9% YTD. Tỷ trọng tín chấp tăng lên 9.4% từ 8.9% cuối Q2, trong khi tỷ trọng thế chấp còn 90.6%.
- NIM riêng lẻ Q3 đạt 4.19%, giảm 35 điểm cơ bản QoQ. Lợi suất tài sản cho vay duy trì 9.96%, trong khi chi phí vốn tăng từ 5.97% lên 6.31%, phản ánh áp lực tái định giá nguồn vốn. BLĐ kỳ vọng NIM có thể duy trì quanh 4.2% trong Q4 khi COF ổn định hơn và quá trình repricing khoản vay phản ánh đầy đủ hơn.
- NPL hợp nhất duy trì dưới 3%; tuy nhiên nợ nhóm 2 và áp lực trả nợ có xu hướng tăng khi mặt bằng lãi suất cao kéo dài. BLĐ cho biết áp lực chủ yếu đến từ KHCN và một số phân khúc SME trong bối cảnh lãi suất cao và thị trường BĐS kém thanh khoản.
- LNTT ngân hàng mẹ 9T26 đạt 25,246 tỷ đồng (+47.9% svck), tiếp tục là động lực chính của lợi nhuận tập đoàn.

**Các công ty con và hệ sinh thái**

- **VPBankS**: 9T26 ghi nhận doanh thu 10,597 tỷ đồng (+93.2% svck) và LNTT 3,516 tỷ đồng (+7.9%). Dư nợ margin và ứng trước đạt 39,869 tỷ (+16.9% YTD), đứng thứ 2 toàn ngành. Doanh thu margin đạt 3,003 tỷ (+147.6%), tự doanh 3,401 tỷ (+162%), nguồn vốn 1,858 tỷ (+88%), ngân hàng đầu tư 1,635 tỷ (+73%) và môi giới 341 tỷ (+10%). Giá trị tư vấn phát hành DCM/ECM lần lượt 26,780/5,004 tỷ; số KH đạt 1.6 triệu (+41.7% YTD).
- **OPES**: doanh thu bảo hiểm gốc đạt 4,334 tỷ đồng (+30.5% svck), LNTT 917 tỷ (+102%); BLĐ kỳ vọng lợi nhuận cả năm có thể vượt mốc 1,000 tỷ đồng, cao hơn kế hoạch.
- **FE Credit**: dư nợ cấp tín dụng 72,112 tỷ đồng (+12.1% YTD), LNTT 9T26 đạt 311 tỷ đồng. Trong bối cảnh rủi ro tín dụng tăng, FE chủ động duy trì tăng trưởng thận trọng, ưu tiên ổn định chất lượng danh mục và giá trị dài hạn.
- **GPBank (chưa hợp nhất):** dư nợ tăng 27.8% YTD và LNTT đạt 1,064 tỷ đồng trong 9T26. BLĐ đánh giá GPBank đang vượt tiến độ mục tiêu ngắn hạn 2026 và tiếp tục triển khai chuyển đổi số/tái cấu trúc.
- **Hệ sinh thái**: VPBank đã được cấp phép thành lập VPLife và dự kiến hoạt động từ Q1/27; tổng tập khách hàng hệ sinh thái vượt 40 triệu. Việc mở rộng VPLife cùng VP Capital, CAEX, VPBankS, OPES và FE Credit là nền tảng cho cross-selling, quản lý gia sản (wealth management) và gia tăng thu phí thuần trong giai đoạn 2027 trở đi.

## Trao đổi của ban lãnh đạo về tình hình kinh doanh và triển vọng kinh doanh trong Q4/26 và năm 2027

**1) Thông tư 50, LDR mới và lộ trình áp dụng LCR/NSFR**

BLĐ đánh giá Thông tư 50 là bước chuyển tích cực sang khung quản trị thanh khoản gần Basel III. Trong ngắn hạn, cách tính LDR sửa đổi được đánh giá thuận lợi hơn cho VPBank do công thức ghi nhận tốt hơn nền tảng vốn chủ sở hữu lớn; ngân hàng cho rằng điều này giúp tạo thêm dư địa quản trị bảng cân đối.

VPBank đã hoàn tất phương pháp tính LCR/NSFR nội bộ, có đơn vị kiểm toán độc lập rà soát và hiện theo dõi các tỷ lệ này song song với yêu cầu hiện hành của NHNN trong hoạt động thường ngày. BLĐ cho biết ngân hàng về cơ bản đã sẵn sàng về phương pháp và hệ thống.

Theo khung mới, tính ổn định/chất lượng của từng cấu phần nguồn vốn được phân biệt rõ hơn; nền tiền gửi bán lẻ và SME - vốn chiếm tỷ trọng lớn tại VPBank - được xem là lợi thế. Các tiêu chí nghiêm ngặt hơn đối với HQLA cũng có thể làm tăng nhu cầu nắm giữ TPCP nhằm củng cố bộ đệm thanh khoản.

VPBank có thể cân nhắc áp dụng sớm trong 2027, nhưng quyết định phụ thuộc ba nhóm yếu tố: (i) bối cảnh vĩ mô/chính sách tiền tệ, lãi suất và thanh khoản hệ thống; (ii) mức độ sẵn sàng của toàn ngành; và (iii) tác động nội bộ, đặc biệt trade-off giữa thanh khoản và lợi nhuận/cổ đông.

**2) Xu hướng lãi suất huy động và triển vọng chi phí vốn/NIM**

BLĐ cho rằng lãi suất huy động có cơ sở đã đạt đỉnh, nhưng chi phí vốn của VPBank có thể chưa đạt đỉnh ngay do các khoản tiền gửi cũ lãi suất thấp tiếp tục đáo hạn và tái định giá ở mặt bằng cao hơn. Vì vậy, áp lực chi phí vốn có thể còn kéo dài khoảng 3 tháng trước khi điều kiện thị trường và cấu trúc sổ giúp chi phí vốn giảm dần.

Các tín hiệu hỗ trợ gồm đà tăng tín dụng hệ thống chậm lại (tăng trưởng svck giảm từ đỉnh khoảng 20.5% xuống 16.7%), trong khi 9T tăng trưởng tiền gửi cao hơn tín dụng; NHNN định hướng kéo giảm lãi suất; và chi phí hoán đổi ngoại tệ để chuyển nguồn vốn ngoại tệ sang VND đã giảm từ khoảng 4% xuống dưới 3% trong khoảng 6 tháng.

Trong Q3, chi phí vốn riêng lẻ tăng lên 6.31% trong khi lợi suất cho vay giữ ở 9.96%, khiến NIM giảm xuống 4.19%. Với kỳ vọng chi phí vốn ổn định hơn và repricing khoản vay phản ánh đầy đủ, BLĐ định hướng duy trì NIM quanh 4.2% trong Q4.

**3) Triển vọng cho vay margin và kinh doanh tổng quan Q4 của VPBankS**

VPBankS đánh giá nhu cầu margin toàn thị trường đang chậm lại trong môi trường lãi suất cao, nhưng thị phần sẽ phân hóa giữa các CTCK. Công ty vẫn kỳ vọng dư nợ margin tăng trong Q4 nhờ khả năng huy động vốn trong và ngoài nước, nền vốn chủ sở hữu lớn, mở rộng thị phần bán lẻ, danh mục sản phẩm đa dạng và các kênh bán gồm môi giới, hệ sinh thái và digital.

Việc hoàn thành kế hoạch cả năm được BLĐ VPBankS đánh giá là thách thức, tuy nhiên cơ cấu doanh thu đa dạng giảm phụ thuộc vào tự doanh cổ phiếu. Các động lực Q4 gồm: tiếp tục tăng margin và cải thiện NIM thông qua quản trị COF/lãi suất cho vay; pipeline DCM và phân phối trái phiếu cao hơn Q3; tăng

quy mô nắm giữ trái phiếu giúp nâng thu nhập trái phiếu; và khả năng phục hồi danh mục tự doanh. Công ty tiếp tục ra mắt sản phẩm/tính năng mới và đẩy mạnh cross-selling trên hệ sinh thái.

**4) Triển vọng thị trường bất động sản và quan điểm tín dụng**

BLĐ cho rằng mặt bằng lãi suất cao trong 6-9 tháng qua đã tạo áp lực đáng kể lên thị trường BĐS. Theo số liệu Bộ Xây dựng được chia sẻ tại AM, giao dịch căn hộ Q3 giảm khoảng 14% QoQ và giao dịch đất nền giảm khoảng 6%; BLĐ cũng cho rằng giá đất/căn hộ đã có điều chỉnh.

Ngân hàng nhìn nhận thị trường đang trong giai đoạn điều chỉnh cần thiết sau khi giá nhà ở tại một số phân khúc tăng quá cao so với thu nhập. Nhu cầu nhà ở dài hạn vẫn lớn, nhưng cơ hội hấp dẫn hơn nằm ở nhà ở xã hội/giá phù hợp; BĐS công nghiệp tiếp tục được hỗ trợ bởi FDI; BĐS du lịch hưởng lợi từ phục hồi khách quốc tế. Ngược lại, một số dự án nhà ở cao cấp vẫn chịu áp lực.

VPBank tiếp tục chọn lọc dự án/chủ đầu tư và quản trị pipeline; BLĐ cho rằng 2027 vẫn có thể là năm khó đối với BĐS nhưng vẫn tồn tại các phân khúc có thể tài trợ có chọn lọc.

**5) Cơ hội từ các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia**

Hiện việc tiếp cận trực tiếp của VPB đối với các dự án trọng điểm còn khiêm tốn. VPBank chủ yếu tài trợ vốn lưu động cho nhà thầu/doanh nghiệp trong chuỗi giá trị dự án, nhu cầu thiết bị và hoạt động xây dựng, thường với kỳ hạn 6-24 tháng; ngân hàng có tham gia một số dự án BOT nhưng quy mô còn hạn chế.

Trong kế hoạch 2027, VPBank đang nghiên cứu mở rộng tham gia thông qua các khoản vay hợp vốn/cấu trúc tài trợ khác, tận dụng nền tảng vốn mạnh, khả năng huy động quốc tế và hỗ trợ từ SMBC. BLĐ nhấn mạnh tốc độ triển khai hạ tầng phải phù hợp với năng lực cung ứng vốn của nền kinh tế để tránh gây áp lực quá mức lên thanh khoản/lãi suất.

**6) Triển vọng chất lượng tài sản trong môi trường lãi suất cao**

BLĐ thừa nhận rủi ro tín dụng toàn thị trường tăng và một số nhóm khách hàng chịu áp lực cao hơn. Tại VPBank, nợ nhóm 2 tăng trong Q3, đặc biệt ở KHCN và một số SME; một phần khách hàng bắt đầu bước vào giai đoạn trả nợ đầy đủ sau khi hết ưu đãi lãi suất, trong khi thanh khoản BĐS yếu làm giảm khả năng xử lý tài sản và thu hồi nợ.

Đối với khoản vay mới, ngân hàng đang siết tiêu chuẩn và chọn lọc khách hàng tốt hơn. Với danh mục hiện hữu, VPBank phân nhóm khách hàng để áp dụng biện pháp phù hợp; đội ngũ kinh doanh bán lẻ và thu hồi phối hợp theo sát dòng tiền/trả nợ, vừa hỗ trợ khách hàng có khả năng phục hồi vừa bảo đảm thu nợ đúng hạn.

Ba ưu tiên chính gồm: (i) tăng cường quản trị rủi ro; (ii) tăng trưởng có kỷ luật và kiểm soát; (iii) nâng chất lượng danh mục. BLĐ kỳ vọng có thể duy trì chất lượng tài sản quanh mức hiện tại trong Q4 tại cả VPBank và FE Credit, dù tiếp tục thận trọng theo dõi các phân khúc dễ bị ảnh hưởng.

**7) Triển vọng vĩ mô Q4/2026 và 2027**

Bối cảnh quốc tế vẫn kém thuận lợi khi giá dầu cao tạo áp lực lạm phát và khiến kỳ vọng chính sách của Fed thận trọng hơn. Theo chia sẻ tại AM, thị trường

đang phản ánh khả năng Fed tăng lãi suất thêm một lần trong 2026 và hai lần trong 2027; VPBank có quan điểm tích cực hơn nếu xung đột địa chính trị hạ nhiệt và giá năng lượng giảm.

Trong nước, động lực tăng trưởng 2027 dự kiến tiếp tục đến từ đầu tư và sản xuất. 9T26, GDP tăng trên 9%; công nghiệp - xây dựng là khu vực đóng góp lớn nhất, FDI giải ngân trên 21 tỷ USD; đầu tư công giải ngân khoảng 658 nghìn tỷ đồng (+49% svck). Sản lượng thép và xi măng tăng lần lượt khoảng 25%/24%, cho thấy đầu tư đang lan tỏa sang hoạt động sản xuất.

VPBank đã rà soát 25 dự án trọng điểm quốc gia với tổng nhu cầu vốn dự kiến khoảng 4.5 triệu tỷ đồng. BLĐ cho rằng nhu cầu tín dụng thực tế sẽ được phân bổ qua nhiều năm, một phần sử dụng vốn quốc tế và chịu quy trình phê duyệt/giải ngân, do đó áp lực đối với hệ thống ngân hàng có thể ở mức kiểm soát được.

Nhờ thanh khoản hệ thống cải thiện, tín dụng tăng chậm lại và tỷ giá tương đối ổn định, BLĐ kỳ vọng mặt bằng lãi suất VND có dư địa giảm trong Q4 và 2027, dù chi phí vốn USD quốc tế có thể cao hơn. Đây được xem là môi trường ít thách thức hơn cho hoạt động kinh doanh năm 2027 so với 6 tháng trước.

**8) Cập nhật phát hành riêng lẻ 5% cho NĐT nước ngoài**

BLĐ cho biết đang tích cực thảo luận và thực hiện các bước làm việc sâu với đối tác tiềm năng. BLĐ giữ quan điểm tích cực về giao dịch nhưng chưa thể công bố đối tác hoặc timeline thực hiện. Theo phương án AGM, khi hoàn tất, vốn điều lệ sẽ tăng lên khoảng 106,243 tỷ đồng, tiếp tục củng cố nền tảng vốn cho tăng trưởng.

**9) Trọng tâm Q4/2026 và định hướng chiến lược 2027**

Trong hai tháng cuối năm, VPBank tập trung hoàn thành các mục tiêu trong ĐHĐCĐ về tín dụng, huy động và lợi nhuận; duy trì tỷ lệ nợ xấu trong ngưỡng kế hoạch thông qua kỷ luật giám sát danh mục và xử lý nợ chủ động. BLĐ cho biết các tín hiệu thanh khoản/lãi suất Q4 tích cực hơn giúp tăng mức độ tự tin vào khả năng hoàn thành kế hoạch.

Ở cấp công ty con, OPES có khả năng vượt kế hoạch lợi nhuận; FE Credit tiếp tục ưu tiên ổn định chất lượng danh mục; GPBank duy trì tiến độ chuyển đổi/tái cấu trúc tích cực; VPBankS chịu thách thức từ thị trường nhưng còn các động lực margin, DCM, hoạt động phân phối.

Song song với mục tiêu ngắn hạn, tập đoàn đang hoàn thiện kế hoạch 2027 và rà soát chiến lược 5 năm. Trọng tâm là nâng cấp mô hình quản trị tập đoàn, hình thành các Center of Excellence ở cấp group, khai thác sự hợp lực giữa VPBank, VPBankS, FE Credit, OPES, GPBank, VP Capital, VPLife và CAEX; qua đó mở rộng tập khách hàng, tăng cross-selling và nâng tỷ trọng thu nhập ngoài lãi.

## Báo cáo tài chính

| KQKD | 31/12/2025 | 31/12/2026 | 31/12/2027 |
|---|---|---|---|
| Thu nhập lãi | 101,259 | 149,651 | 207,029 |
| Chi phí lãi | (42,596) | (77,074) | (113,959) |
| **Thu nhập lãi thuần** | **58,663** | **72,577** | **93,070** |
| **Thu nhập ngoài lãi** | **15,991** | **18,464** | **23,577** |
| **Tổng lợi nhuận hoạt động** | **74,654** | **91,041** | **116,647** |
| Tổng chi phí hoạt động | (18,630) | (20,351) | (26,321) |
| **LN trước dự phòng** | **56,024** | **70,689** | **90,327** |
| Tổng trích lập dự phòng | (25,399) | (28,996) | (39,180) |
| **LN hoạt động sau trích lập** | **30,625** | **41,693** | **51,146** |
| **Lợi nhuận sau thuế** | **24,355** | **33,354** | **40,917** |
| Lợi ích cổ đông thiểu số | (365) | (370) | (376) |
| **LN chia cho cổ đông hiện hữu** | **23,990** | **32,984** | **40,541** |

| Cân đối kế toán | 31/12/2025 | 31/12/2026 | 31/12/2027 |
|---|---|---|---|
| **Tổng cho vay khách hàng** | **1,130,131** | **1,514,655** | **2,010,447** |
| Tổng các khoản mục chứng khoán | 88,595 | 116,911 | 116,794 |
| Tổng dự phòng | (17,630) | (21,397) | (27,263) |
| **Tổng tài sản sinh lãi ròng** | **1,214,666** | **1,626,291** | **2,120,770** |
| Tổng tài sản không sinh lãi | 44,132 | 59,008 | 76,927 |
| **Tổng tài sản** | **1,260,150** | **1,698,180** | **2,210,396** |
| Tiền gửi của khách hàng | 628,045 | 825,879 | 1,116,175 |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác | 295,200 | 413,566 | 496,011 |
| **Tổng nợ phải trả** | **1,079,874** | **1,491,861** | **1,963,912** |
| Vốn điều lệ | 79,339 | 100,000 | 100,000 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 45,970 | 45,785 | 79,029 |
| **Vốn chủ sở hữu** | **180,276** | **206,318** | **246,484** |
| Lợi ích cổ đông thiểu số | 12,372 | 12,002 | 11,626 |
| **Tổng nợ và vốn chủ sở hữu** | **1,260,150** | **1,698,180** | **2,210,396** |

| Chỉ số tài chính | 31/12/2025 | 31/12/2026 | 31/12/2027 |
|---|---|---|---|
| Tăng trưởng huy động | 33.0% | 39.4% | 36.0% |
| Tăng trưởng tín dụng | 35.4% | 34.8% | 34.8% |
| Tăng trưởng tổng tài sản | 36.4% | 34.8% | 30.2% |
| Tăng trưởng thu nhập lãi ròng | 19.5% | 23.7% | 28.2% |
| Tăng trưởng thu nhập ngoài lãi | 21.4% | 15.5% | 27.7% |
| Tăng trưởng LN ròng | 52.0% | 37.5% | 22.9% |
| Tỷ lệ cho vay/huy động (LDR) | 92.1% | 89.1% | 91.8% |
| Tỷ lệ thu nhập lãi cận biên (NIM) | 5.5% | 5.0% | 4.9% |
| Chi phí hoạt động/thu nhập (CIR) | 25.0% | 22.4% | 22.6% |
| Chi phí tín dụng cho vay KH | 3.1% | 2.6% | 2.6% |
| Tỷ lệ nợ xấu (NPL) | 3.3% | 3.2% | 3.3% |
| Tổng dự phòng/nợ xấu (LLR) | 55.1% | 50.0% | 46.5% |
| ROAE | 14.9% | 17.3% | 18.1% |
| ROAA | 2.2% | 2.3% | 2.1% |
| EPS | 3,024 | 3,678 | 4,054 |
| Giá trị sổ sách/cp | 21,163 | 19,432 | 23,486 |
| P/B | 1.02 | 1.11 | 0.92 |

Nguồn: VPB, MBS Research dự phóng

## MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS.

## HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

### Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

| | |
|---|---|
| KHẢ QUAN | Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên |
| TRUNG LẬP | Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15% |
| KÉM KHẢ QUAN | Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15% |

### Khuyến nghị đầu tư ngành

| | |
|---|---|
| KHẢ QUAN | Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền |
| TRUNG LẬP | Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền |
| KÉM KHẢ QUAN | Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:
Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Ô Chợ Dừa, Hà Nội
Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601
Website: www.mbs.com.vn

## KHỐI NGHIÊN CỨU CTCP CHỨNG KHOÁN MB

**Giám đốc Khối Nghiên cứu**
Trần Thị Khánh Hiền

**Trưởng phòng**
Nguyễn Tiến Dũng